

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua đề án bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước
cho người đang thuê trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, đợt IV

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK KHÓA VII KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 61/CP, ngày 05/7/1994 của Chính phủ về mua bán và kinh doanh nhà ở; Nghị định số 21/CP, ngày 16/4/1996 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 5, Điều 7 Nghị định 61/CP, ngày 05/7/1994 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 32/TT-UBND, ngày 22/6/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc báo cáo tổng kết đề án bán nhà đợt I, đợt II, đợt III và trình phê duyệt đề án bán nhà đợt IV; Báo cáo thẩm tra số 57 /BC-KTNS, ngày 14/7/2005 của Ban Kinh tế và Ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến tham gia của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua đề án bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, đợt IV như sau:

Số căn nhà bán: 159 căn nhà (có danh mục kèm theo).

Điều 2: Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Điều 3: Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk tổ chức thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả thực hiện với Hội đồng nhân dân tỉnh.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa VII, kỳ họp thứ 4 thông qua. *U. Zuy*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Chính phủ (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Lưu VT, TH.
(VGA68)



Niê Thuật



DANH MỤC 159 CĂN NHÀ THUỘC ĐỀ ÁN BÀN NHÀ ĐỢT IV
Kèm theo Nghị quyết số 03 /2005/NQ-HĐND ngày 21/7 /2005 của HĐND tỉnh Đắk Lắk

T	Số lô	Đường phố		Đơn vị công tác	DT sử dụng (m2)	Giá nhà dự kiến (đồng)	DT đất hiện trạng (m2)	Giá đất dự kiến (đồng)	Tổng cộng (đồng)
KHU TẬP THỂ BỆNH VIỆN TỈNH (44 căn hộ)									
14	Hẻm Y Ngông	Trần văn Hồng Phan Thị Nhâm		Bệnh viện đa khoa tỉnh Nội trợ	35,00	14.000.000	63,80	19.140.000	33.140.000
15		Nguyễn Thanh Minh Trần Thị Thu Hoa		Bệnh viện đa khoa tỉnh Bệnh viện đa khoa tỉnh	35,15	14.200.000	70,8	11.328.000	25.528.000
16		Trương Ngọc Ly Nguyễn Kim Thuận		Bệnh viện đa khoa tỉnh Phòng Y tế phòng	35,00	14.000.000	64,10	10.256.000	24.256.000
17		Trần Xuân Diệu Vũ Thị Yên		Lao động phổ thông Bệnh viện đa khoa tỉnh	35,00	14.000.000	63,30	10.128.000	24.128.000
18		Nguyễn Thị Ba Lê Hồng Anh		Bệnh viện đa khoa tỉnh Lao động phổ thông	35,00	14.000.000	74,40	11.904.000	25.904.000
19		Phan Thị Loan o		Bệnh viện đa khoa tỉnh	35,00	14.000.000	71,50	11.440.000	25.440.000
20		Hồ Thị Tám o		Bệnh viện đa khoa tỉnh	35,15	14.200.000	70,10	11.216.000	25.416.000
21		Bùi Đức Phong Đậu Thị Dung		Bệnh viện đa khoa tỉnh Nông trường 30/4	35,00	14.000.000	79,10	12.656.000	26.656.000
22		Phạm Thị Minh Huệ o		Sở Y Tế Đắk Lắk	35,00	14.000.000	75,60	12.096.000	26.096.000
23		Y Nuh H Yon		Bệnh viện đa khoa tỉnh Nội trợ	35,15	14.200.000	82,20	13.152.000	27.352.000
34		Phạm Thanh Cảnh Lương Thị Dự		Chi cục thuế BuônMaThuột Bệnh viện đa khoa tỉnh	28,05	10.000.000	105,30	105.300.000	115.300.000
33		Huỳnh Tân Lộc Nguyễn Thị Chăm		Hưu trí Hưu trí	28,00	10.000.000	68,90	20.670.000	30.670.000
32		Hoàng Bá Tuấn Vương Thúy Hoa		Thợ xây Bệnh viện đa khoa tỉnh	28,00	10.000.000	63,50	19.050.000	29.050.000
31		Đoàn Quang Thân		Chết	28,05	10.000.000	62,30	18.690.000	28.690.000

T	Số lô	Đường phố	Họ Và Tên	Đơn vị công tác	DT sử dụng (m2)	Giá nhà dự kiến (đồng)	DT đất hiện trạng (m2)	Giá đất dự kiến (đồng)	Tổng cộng (đồng)
1	10		0 Trần Duy Hưng Nguyễn Thị Yên	Bệnh viện đa khoa tỉnh Nội trợ	28,73	10.500.000	70,10	14.020.000	24.520.000
2	11		Trần Việt Phương Hoài An	Bệnh viện đa khoa tỉnh Lao động phổ thông	17,17	7.000.000	27,70	8.310.000	15.310.000
3	12		Lê Văn Thiện Đoàn Thị Bình	Cty Cấp nước Đăklăk Bệnh viện đa khoa tỉnh	16,83	6.500.000	43,80	13.140.000	19.640.000
4	45		Nguyễn Văn Hương Nguyễn Thị Mỹ	Nghi chế độ Nghi chế độ	28,73	10.500.000	291,30	291.300.000	301.800.000
5	44		Bùi Văn Hôn Dương Thị Huệ	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bệnh viện đa khoa tỉnh	28,73	10.500.000	125,30	125.300.000	135.800.000
5	43		Trần Thanh Nam Trần Thị Tâm	Bệnh viện đa khoa tỉnh Trường Lê Thị Hồng Gấm	28,73	10.500.000	125,90	125.900.000	136.400.000
7	42		Lê Phú Tiến Lê Thị Lanh	Trường ĐH Tây nguyên Bệnh viện đa khoa tỉnh	28,73	10.500.000	125,30	125.300.000	135.800.000
8	41		Nguyễn Chí Sơn Nguyễn Thị Phước	Bộ đội biên phòng Bệnh viện đa khoa tỉnh	28,73	10.500.000	110,50	110.500.000	121.000.000
9	40		Phan Viết Cường Nguyễn Thị Tuyết	TT Y tế huyện Krông Na Bệnh viện đa khoa tỉnh	28,73	10.500.000	122,20	122.200.000	132.700.000
9	39		Bùi Văn Hiến Phạm Thị Hải	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bệnh viện đa khoa tỉnh	28,73	10.500.000	116,10	116.100.000	126.600.000
1	38		Ngô Sỹ Thanh o	Kiểm lâm Krông Năng	28,73	10.500.000	112,40	112.400.000	122.900.000
2	37		Lê Hồng Lạc Huỳnh Anh Minh	Buôn bán Bệnh viện đa khoa tỉnh	28,73	10.500.000	119,50	119.500.000	130.000.000
3	36		Nguyễn Thị Khương o	Bệnh viện đa khoa tỉnh	16,83	6.500.000	69,00	69.000.000	75.500.000
4	35		Trần Thị Thanh Tâm Nguyễn Văn Hạnh	Bệnh viện đa khoa tỉnh Bệnh viện đa khoa tỉnh	11,56	4.600.000	36,40	36.400.000	41.000.000
KHU TẬP THE SỞ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG (09 căn hộ)									
5	1	Hiem Trần Cao Vân	Hoàng Xuân Hoàn Phạm Thị Hát	Nghi hưu Nghi hưu	51,00	17.104.645	265,60	67.993.600	85.098.245

TT	Số lô	Đường phố	Họ Và Tên	Đơn vị công tác	DT sử dụng (m2)	Giá nhà dự kiến (đồng)	DT đất hiện tràng (m2)	Giá đất dự kiến (đồng)	Tổng cộng (đồng)
KHU TẬP THỂ BƯU ĐIỆN TỈNH (04 căn)									
1	74	Phạm Ngũ Lão	Trần Mai Nguyễn Thị Kim Dung	Công ty Điện Thoại Bưu điện TP BMT	64,00	21.004.672	223,30	107.184.000	128.188.672
2	76	Phạm Ngũ Lão	Nguyễn Hồng Châu Lê Thị Minh Ngọc	Bưu điện TP BMT Bưu điện TP BMT	64,00	21.004.672	200,00	96.000.000	117.004.672
3	78	Phạm Ngũ Lão	Cao Thị Kim Cúc		64,00	21.004.672	188,90	90.672.000	111.676.672
4	80	Phạm Ngũ Lão	Trương Thị Nga	Cán bộ hưu trí	64,00	21.004.672	200,20	96.096.000	117.100.672
KHU TẬP THỂ CHI CỤC ĐỊNH CÁN ĐỊNH CƯ VÙNG KINH TẾ MỚI (06 căn hộ)									
5	65/6	H Mai X. Thường	Võ Văn Tiến Trịnh Thị Triển	Định canh định cư Nội trợ	40,45	13.275.609	151,9	24.304.000	37.579.609
6	65/8	H Mai X. Thường	Nguyễn Đình Xuyên Đào Thị Lòng	Hưu trí Nội trợ	94,03	30.860.458	289,6	46.336.000	77.196.458
7	65/10	H Mai X. Thường	Nguyễn Như Quyền Mai Thị Thanh	Định canh định cư Nội trợ	39,86	13.081.972	146,2	23.392.000	36.473.972
8	65/4	H Mai X. Thường	Nguyễn Thanh Lý Phạm Thị Thanh Tâm	Ban Định canh Định cư Nội trợ	42,34	13.895.903	99,00	15.840.000	29.735.903
9	65/2	Mai Xuân Thường	Đặng Hữu Bình Trần Thị Bùng	Chết Liên hiệp XN Ea-Súp	35,38	11.611.645	154,50	61.800.000	73.411.645
0	65/12	H Mai X. Thường	Phùng Bá Nghi Chế Thị Loan	Chết Hưu trí	40,30	13.226.379	152,3	24.368.000	37.594.379
KHU TẬP THỂ CÔNG TY LƯƠNG THỰC (05 căn hộ)									
1	2	đường Y Nuê	Phạm Dự Phan Thị Hảo	Cty Lương thực vật tư NN Nội trợ	21,47	7.046.411	35,20	18.304.000	25.350.411
2	4	đường Y Nuê	Lưu Thị Hoa Đoàn Trọng Dung	Cty Lương thực vật tư NN Công an tỉnh	20,83	6.836.364	42,70	22.204.000	29.040.364
3	6	đường Y Nuê	Lương Hồng Hà Trịnh Thị Minh Tâm	Thanh tra tỉnh ĐắkNông Nội trợ	19,52	6.406.425	36,70	19.084.000	25.490.425
4	8	đường Y Nuê	Phan Xuân Hanh Võ Thị Cảnh	Thợ hàn Nội trợ	20,19	6.626.318	37,70	19.604.000	26.230.318
5	52-C	Phạm Hồng Thái	Nguyễn Xuân Tiến	Cty Lương thực	33,28	10.922.429	225,00	46.800.000	57.722.429

T	Số lô	Đường phố	Họ và Tên	Đơn vị công tác	DT sử dụng (m ²)	Giá nhà dự kiến (đồng)	DT đất hiện tràng (m ²)	Giá đất dự kiến (đồng)	Tổng cộng (đồng)
1	2	Đường Y Ôn	Trình Thị Tý	Nội trợ					
1	2	Đường Y Ôn	Nguyễn Văn Hải	Cty Cổ phần VT Ô Tô	21,00	7.043.089	54,00	10.368.000	17.411.089
2	3	Đường Y Ôn	Nguyễn Thị Thủy	Nội trợ					
3	4	Đường Y Ôn	Trần Thanh Mỹ	Cty Cổ phần VT Ô Tô	21,00	7.043.089	54,00	10.368.000	17.411.089
3	4	Đường Y Ôn	Vũ Thị Loan	Giáo viên					
3	4	Đường Y Ôn	Nguyễn Kim Nam	Giáo viên	21,00	7.043.089	54,00	10.368.000	17.411.089
4	5	Đường Y Ôn	Trần Thị Việt Hà	Cty Cổ phần VT Ô Tô					
4	5	Đường Y Ôn	Nguyễn Tấn Anh	Cty Cổ phần VT Ô Tô	21,00	7.043.089	54,00	10.368.000	17.411.089
5	6	Đường Y Ôn	Nguyễn Thị Mai Trâm	Nội trợ					
5	6	Đường Y Ôn	Phạm Văn Cương	Cty Cổ phần VT Ô Tô	21,00	7.043.089	54,00	10.368.000	17.411.089
5	6	Đường Y Ôn	Lê Thị Hương	Nội trợ					

KHU TẬP THỂ XÍ NGHIỆP MAY VIỆT ĐỨC CỬ (05 căn hộ)

5	114	Trần Phú	Nguyễn Thị Xuyên	Nội trợ	14,85	4.873.740	14,85	7.128.000	12.001.740
7	114	Trần Phú	Nguyễn Tinh Gia	Chết					
7	114	Trần Phú	Phan Thị Nguyệt	Nội trợ	23,68	7.771.729	23,68	11.366.400	19.138.129
3	114	Trần Phú	Mai Ngọc Minh	Lái xe					
3	114	Trần Phú	Nguyễn Thị Thủy	Nội trợ	14,85	4.873.740	14,85	7.128.000	12.001.740
3	114	Trần Phú	Nguyễn Kim Anh	Chết					
0	118	Trần Phú	Tô Thị Hiệp	Nội trợ	21,45	7.039.847	21,45	10.296.000	17.335.847
0	118	Trần Phú	Đoàn Hồng Giang	UBND TP - BuônMaThuột					
0	118	Trần Phú	Phạm Văn Lập	Sở Xây dựng Đắk Lắk	298,45	97.950.693	157,08	510.480.000	608.430.693

KHU TẬP THỂ ĐẠI KHÍ TRƯỜNG THUY VÂN (14 căn hộ)

1	45-B	Đinh Tiên Hoàng	Bùi Văn Sứng	TT Dự báo KT Đắk Lắk	28,00	9.189.544	196,00	313.600.000	322.789.544
2	45-A	Đinh Tiên Hoàng	Phan Thị Thu Hiền	Sở Nông nghiệp & PTNT					
2	45-A	Đinh Tiên Hoàng	Nguyễn Đại Ngưỡng	TT Dự báo KT Đắk Lắk	28,00	9.189.544	122,20	195.520.000	204.709.544
3	45	Đinh Tiên Hoàng	Nguyễn Thị Tú	Nội trợ					
3	45	Đinh Tiên Hoàng	Nguyễn Quốc Việt	Trạm Khí tượng BMT	28,00	9.189.544	111,50	178.400.000	187.589.544
4	56	Đinh Tiên Hoàng	Nguyễn Thị Thanh Bình	Sở Tài chính Đắk Lắk					
4	56	Đinh Tiên Hoàng	Lương Văn Sắc	Cty Cổ phần 3/2	28,00	9.189.544	67,70	108.320.000	117.509.544
5	56-A	Đinh Tiên Hoàng	Tô Thị Hợi	Nội trợ					
5	56-A	Đinh Tiên Hoàng	Đinh Thanh Trì	Bộ đội nghi hưu	28,00	9.189.544	96,30	154.080.000	163.269.544

T	Số lô	Đường phố	Họ Và Tên	Đơn vị công tác	DT sử dụng (m ²)	Giá nhà dự kiến (đồng)	DT đất hiện tràng (m ²)	Giá đất dự kiến (đồng)	Tổng cộng (đồng)
14	3	Nguyễn An Ninh	Võ Thanh Tinh Trịnh Thị Kim Nhung	Cty Cổ phần Thống Nhất Hải Quan Đăklăk	25,50	8.369.049	63,00	30.240.000	38.609.049
15	4	Nguyễn An Ninh	Trần Quang Viện Phạm Thị Hòe	Cty Cổ phần Thống Nhất Không	25,50	8.369.049	63,00	30.240.000	38.609.049
16	5	Nguyễn An Ninh	Đinh Văn Thắng Nguyễn Thủy Lan Ai	Cty Cổ phần Thống Nhất Cty Cổ phần Thống Nhất	26,00	8.533.148	64,00	30.720.000	39.253.148
17	6	Nguyễn An Ninh	Trần Hữu Tuyền Lê Thị Thanh Thủy	Cty Cổ phần Thống Nhất Không	25,70	8.434.689	63,30	30.384.000	38.818.689
18	7	Nguyễn An Ninh	Trần Văn Được Hồ Thị Mai	Cty Cổ phần Thống Nhất Không	25,70	8.434.689	63,30	30.384.000	38.818.689
19	8	Nguyễn An Ninh	Đoàn Văn Khoa Lê Thị Châu	Cty Cổ phần Thống Nhất Không	26,00	8.533.148	64,00	30.720.000	39.253.148
0	9	Nguyễn An Ninh	Trần Mạnh Cường Nguyễn Thị Hồng Giang	Cty Cổ phần Thống Nhất Không	26,00	8.533.148	64,00	30.720.000	39.253.148
1	10	Nguyễn An Ninh	Nguyễn Văn Ngà Trần Thị Diện	Cty Cổ phần Thống Nhất Không	27,00	8.861.346	66,00	31.680.000	40.541.346
2	1	H. Nguyễn An Ninh	Phạm Văn Nghệ Nguyễn Thị Hải	Cty Cổ phần Thống Nhất Không	33,60	11.027.453	102,50	19.680.000	30.707.453
3	2	H. Nguyễn An Ninh	Nguyễn Thị Xoa o	Cty Cổ phần Thống Nhất	32,60	10.699.255	99,50	19.104.000	29.803.255
4	3	H. Nguyễn An Ninh	Hoàng Ngọc Vị Hồ Thị Hiền	Cty Cổ phần Thống Nhất Cty Cổ phần Thống Nhất	32,60	10.699.255	99,50	19.104.000	29.803.255
5	4	H. Nguyễn An Ninh	Nguyễn Văn Thanh Lê Thị Thu	Cty Cổ phần Thống Nhất Không	32,70	10.732.075	99,70	19.142.400	29.874.475
6	5	H. Nguyễn An Ninh	Lê Văn Thảo Lê Thị Thủy	Không Không	32,70	10.732.075	99,70	19.142.400	29.874.475
7	6	H. Nguyễn An Ninh	Lê Đình Hưng Nguyễn Thị Nam	Cty Cổ phần Thống Nhất Giáo viên huyện Buon Đôn	32,50	10.666.435	99,20	19.046.400	29.712.835
8	7	H. Nguyễn An Ninh	Trần Văn Sơn Hoàng Thị Bình	Cty Cổ phần Thống Nhất Không	33,60	11.027.453	102,50	19.680.000	30.707.453

KHU TẬP THE SỞ VĂN HOA THÔNG TIN (03 căn hộ)

9	41	Mạc Thị Bưởi	Phùng Văn Phần	Nghi hưu	55,00	18.050.890	57,1	47.964.000	66.014.890
---	----	--------------	----------------	----------	-------	------------	------	------------	------------

TT	Số lô	Đường phố	Họ Và Tên	Đơn vị công tác	DT sử dụng (m2)	Giá nhà dự kiến (đồng)	DT đất hiện trang (m2)	Giá đất dự kiến (đồng)	Tổng cộng (đồng)
05 căn nhà lẻ									
55	15	08 Cao Bá Quát	Ni ê Y Thắng	Dân	15,00	4.922.970	97,90	46.992.000	51.914.970
56	14	08-A Cao Bá Quát	Niê H Kim Thoa Niê H Thảo	Dân Dân	15,00	4.922.970	146,20	70.176.000	75.098.970
57	17	Trường Chinh	Phạm Quang Tiếp Lê Thị Oanh	Cty DTPT Buôn Gia Wâm C.ty Du lịch	56,00	18.379.088	264,00	253.440.000	271.819.088
58		(cũ 181 Lê Duẩn) Tuệ Tĩnh	Trần Quốc Ioan Nguyễn Thị Duyên	Lâm trường Thanh niên Nội trợ	20,00	6.563.960	60,00	19.200.000	25.763.960
59		(cũ 181 Lê Duẩn) Tuệ Tĩnh	Nguyễn Minh Âu	Cty Chăn nuôi	20,00	6.563.960	60,00	19.200.000	25.763.960
Tổng Cộng					5.162,37	1.768.871.259	15.459,80	9.009.593.200	10.778.464.459